

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 144/2018/DS-PT

Ngày 01-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh

Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 162/2018/QĐPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T1

Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Trần Văn T2

Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2018) (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Hoàng Thị Kim A

Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: TDP D, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Đại diện ủy quyền cho bị đơn là anh Trần Văn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày:

Do có quan hệ quen nên vào ngày 23/01/2018 dương lịch anh Bùi Văn T cho ông Trần Văn T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Đến ngày 12/02/2018 dương lịch ông T1 tiếp tục vay số tiền 150.000.000đ, khi vay cả hai khoản trên hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng. Khi vay khoản thứ hai thì hai bên thỏa thuận đến ngày 12/01/2018 âm lịch (Tức ngày 27/02/2018 dương lịch) ông T1 sẽ trả đủ 250.000.000đ (Gồm khoản vay 100.000.000đ ngày 23/01/2018 và khoản vay 150.000.000đ ngày 12/02/2018) và lãi suất phát sinh. Hai lần vay tiền ông T1 là người trực tiếp ký vào hợp đồng vay tiền và ông T1 là người nhận tiền. Đến hạn trả nợ, mặc dù anh T đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T1 vẫn không chịu trả nợ cho anh T số tiền trên.

Nay anh T yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T1 phải trả cho anh T số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đối với số nợ gốc kể từ thời điểm vay đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn T1 và đại diện ủy quyền cho bị đơn anh Trần Văn T2 trình bày:

Công nhận ngày 23/01/2018 ông Trần Văn T1 ký nhận vay số tiền 100.000.000 đồng và ngày 12/02/2018 ông T1 tiếp tục ký nhận vay số tiền 150.000.000 đồng của anh Bùi Văn T. Tuy nhiên thực tế ông T1 không phải là người vay tiền mà vợ anh T2 tên Hoàng Thị Kim A là con dâu ông T1 mới là người vay tiền, do anh T và bà Nguyễn Thị N (Mẹ anh T) yêu cầu chủ hộ ký nhận việc vay tiền nên ông T1 đứng ra ký giấy vay tiền.

Về số tiền vay: Anh T cho rằng ông T1 vay số tiền 250.000.000 đồng là không đúng, mà việc vay tiền cụ thể như sau: Vào ngày 23/01/2018 chị Hoàng Thị Kim A vay của anh T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5.000 đồng/1 triệu đồng/ngày, thời hạn vay là 10 ngày. Số tiền trên chị A là người trực tiếp nhận, ông T1 không phải là người trực tiếp nhận tiền. Thực tế chị A chỉ nhận 95.000.000 đồng do anh T đã trừ đi số tiền lãi của 10 ngày là 5.000.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ, do chị A không trả được số nợ trên nên vào ngày 12/02/2018 bà N và anh T đã vào nhà ông T1 tính cả tiền nợ gốc và tiền lãi thành 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu ông T1 ký nhận vào giấy mượn tiền lập ngày 12/02/2018, với nội dung ông T1 vay của anh T 150.000.000 đồng. Mặc dù đã tính toán và lập giấy vay tiền mới nhưng anh T và bà N đã không hủy đi giấy vay tiền lập ngày 23/01/2018. Tại thời điểm ông T1 ký giấy vay số tiền 150.000.000 đồng thì anh T2 và chị A không có mặt. Sau khi ông T1 ký nhận số nợ 150.000.000 đồng thì anh T và bà N đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông T1 trả tổng số nợ 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, do số nợ mà anh T và bà N yêu cầu trả là

không đúng thực tế, gia đình ông T1 đã nhiều lần thương lượng để trả nợ, nhưng bà N và anh T không chấp nhận.

Thực tế số tiền vay là 100.000.000đ, chứ không phải là 250.000.000đ như anh T khởi kiện. Do đó gia đình ông T1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T và chỉ chấp nhận trả số nợ là 100.000.000đ và lãi suất phát sinh theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bùi Văn T là con trai của bà. Vào ngày 23/01/2018 ông Trần Văn T1 đến nhà bà gặp con trai bà để vay tiền. Giữa con bà và ông T1 đã thỏa thuận với nội dung con bà cho ông T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, mức lãi suất thỏa thuận miệng là theo lãi suất ngân hàng. Sau khi thỏa thuận xong việc vay tiền thì bà là người lập giấy vay tiền giúp con bà. Việc ông T1 vay tiền có con dâu ông T1 là Hoàng Thị Kim A chứng kiến.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng vay ngày 12/02/2018: Ngày hôm đó con bà nhờ bà đi cùng vào nhà ông T1 để cho ông T1 vay tiền, bà đã đi cùng con bà. Tại nhà ông T1, sau khi cho ông T1 vay thêm số tiền 150.000.000 đồng thì con bà đã nhờ bà lập giấy vay tiền và bà đã lập giấy vay tiền với nội dung ông T1 vay của con bà 150.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 12/01/2018 âm lịch (Tức ngày 27/02/2018 dương lịch).

Bà chỉ là người lập giấy vay tiền giúp con bà, còn mọi thỏa thuận là do con bà và ông Trần Văn T1 tự thỏa thuận với nhau, tiền cho ông T1 vay là của con bà. Vì vậy bà không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến tranh chấp giữa con bà với ông T1.

Chị Hoàng Thị Kim A trình bày: Chị Kim A công nhận nội dung việc vay tiền đúng như anh Trần Văn T2 đã trình bày, chị không bổ sung gì thêm. Chị Kim A công nhận chị là người vay tiền, nhưng bố chồng chị là ông Trần Văn T1 ký giấy vay. Tuy nhiên chị chỉ vay số tiền 100.000.000 đồng chứ không phải là 250.000.000 đồng. Do đó, chị đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T và chỉ chấp nhận trả số nợ ông T1 đã ký ngày 23/01/2018 là 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định.

Tại Bản án sơ thẩm số: 28/2018/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Trần Văn T1 phải trả cho anh Bùi Văn T số tiền 264.272.066 đồng (Hai trăm sáu mươi tư triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn không trăm sáu mươi sáu đồng). Bao gồm: Tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng),

tiền lãi là 14.272.066 đồng (Mười bốn triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi sáu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền phải thi hành khi có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T1 phải nộp 13.213.603 đồng (Mười ba triệu, hai trăm mười ba ngàn, sáu trăm lẻ ba đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho anh Bùi Văn T số tiền 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2017/0002534 ngày 17/4/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/9/2018, đại diện ủy quyền cho bị đơn anh Trần Văn T2 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Không đồng ý hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc cho anh T vì ông T1 cho rằng ông T1 không vay khoản tiền trên. Đề nghị Tòa án xem xét lại số tiền nợ mà ông T1 phải trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 01/11/2018, bị đơn ông Trần Văn T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của đại diện ủy quyền cho ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thẩm phán đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn T là có căn cứ, việc bị đơn ông T1 cho rằng không vay số tiền 150.000.000 đồng ngày 12/2/2018, mà số tiền trên là tiền gốc và tiền lãi cộng gộp của số tiền 100.000.000 đồng vay trước đó nhưng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay ông T1 không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đại diện ủy quyền cho bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. HĐXX nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đại diện ủy quyền cho bị đơn là anh Trần Văn T2 trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo, HĐXX xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thì vào ngày 23/01/2018

anh Bùi Văn T có cho ông Trần Văn T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy tay, lãi suất và thời hạn trả là thỏa thuận miệng. Đến ngày 12/02/2018 ông T1 tiếp tục vay của anh T số tiền 150.000.000 đồng có viết giấy tờ, lãi suất thỏa thuận miệng, thời hạn vay đến ngày 12/01/2018 âm lịch (Tức ngày 27/02/2018 dương lịch) sẽ trả. Quá trình giải quyết vụ án cũng như yêu cầu kháng cáo của đại diện ủy quyền cho bị đơn chỉ thừa nhận có vay của anh T số tiền 100.000.000 đồng, còn số tiền 150.000.000 đồng ngày 12/02/2018 ông T1 có ký vào giấy vay tiền nhưng cho rằng đây là khoản tiền ký nhận nợ tiền gốc 100.000.000 đồng ngày 23/01/2018 và khoản tiền lãi phát sinh cộng gộp vào. Tuy nhiên, phía bị đơn ông T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được số tiền 150.000.000 đồng ngày 12/02/2018 là số tiền cộng gộp gốc và lãi của khoản vay ngày 23/01/2018 và cũng không được nguyên đơn anh Bùi Văn T thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đại diện ủy quyền cho bị đơn anh Trần Văn T2, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện ủy quyền cho bị đơn anh Trần Văn T2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Văn T1 phải trả cho anh Bùi Văn T số tiền 264.272.066 đồng (Hai trăm sáu mươi tư triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi sáu đồng). Bao gồm: Tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 14.272.066đ (Mười bốn triệu, hai trăm bảy mươi hai, ngàn không trăm sáu mươi sáu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền phải thi hành khi có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T1 phải nộp 13.213.603 đồng (Mười ba triệu, hai trăm mười ba ngàn, sáu trăm lẻ ba đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho anh Bùi Văn T số tiền 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2017/0002534 ngày 17/4/2018.

Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0010271 ngày 25/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn